

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số của Ban Quản lý Khu kinh tế đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 2415/KH-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 921/UBND-CTHĐ ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; văn bản số 1241/UBND-KGVX ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 1331/UBND-KGVX ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ban Quản lý Khu kinh tế xây dựng Kế hoạch về chuyển đổi số của Ban Quản lý Khu kinh tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2030, công tác quản lý, điều hành của Ban đều thực hiện trên chính quyền số; xây dựng, hình thành hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực đầy đủ đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của tỉnh. Phổ cập, nâng cao kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế (KKT), Khu công nghiệp (KCN) chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Nâng cao kết quả xếp hạng Chính quyền điện tử của Ban nằm trong nhóm mức độ II hàng năm.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- + 80% dịch vụ công trực tuyến (DVC TT) mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- + 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

+ 100% hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa của tỉnh; trên 50% hồ sơ TTHC tiếp nhận và thụ lý qua DVC TT mức độ 3 và 4; Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

+ 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của Ban được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất theo đúng kế hoạch của tỉnh.

+ 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện 100% báo cáo định kỳ và văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử; 100% các báo cáo định kỳ về chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội được thực hiện trực tuyến qua hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống quản lý kinh tế xã hội của tỉnh;

+ Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm, Tư pháp,... để cung cấp dịch vụ công kịp thời, có hiệu quả;

+ Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung theo kế hoạch của tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP), hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh;

+ Duy trì có hiệu quả hệ thống hội nghị truyền đến bộ, ngành, UBND tỉnh và các Ban Quản lý Khu kinh tế các tỉnh;

+ Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và mua sắm công;

+ Duy trì, nâng cấp thường xuyên hạ tầng CNTT để đáp ứng cho nhu cầu chuyển đổi số.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

+ 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

+ Kết nối chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

+ Duy trì có hiệu quả hệ thống hội nghị truyền đến bộ, ngành, UBND tỉnh và các Ban Quản lý Khu kinh tế các tỉnh;

+ Duy trì, nâng cấp thường xuyên hạ tầng CNTT để đáp ứng cho nhu cầu chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo cơ sở chuyển đổi số:

1.1. Chuyển đổi nhận thức:

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người lao động về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; các chiến lược phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của Chính phủ; Chương trình số 03-CTr/TU, ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tỉnh ủy về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khoá XVI) và các Chiến lược, chương trình của Chính phủ.

- Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực mình phụ trách. Lãnh đạo cơ quan cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới để áp dụng có hiệu quả thành tựu công nghệ số vào công tác quản lý hành chính để phát huy hiệu quả công việc.

- Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên Trang thông tin điện tử của Ban, các ứng dụng nền tảng xã hội (nhóm Zalo, facebook, ...). Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

1.2. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực:

- Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức trong cơ quan nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ.

- Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin về chuyển đổi số, sau đó đào tạo, tập huấn lại cho cán bộ, công chức ở cơ quan để tham gia tiến trình chuyển đổi số trong tỉnh.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có; xây dựng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ công nghệ thông tin để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về chuyển đổi số.

1.3. Phát triển hạ tầng số:

- Đầu tư, nâng cấp, phát triển hạ tầng CNTT, hạ tầng băng rộng chất lượng cao tại Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc phạm vi quản lý theo kế hoạch, lộ trình của tỉnh.

- Chuyển đổi mạng Internet của cơ quan sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

1.4. Phát triển nền tảng số:

- Phối hợp triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử cho phép doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân;

- Tổ chức phối hợp triển khai, ứng dụng các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp theo kế hoạch của tỉnh.

1.5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai, ứng dụng các hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý, nâng cao khả năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công bảo vệ ở mức cơ bản.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham gia hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, tham gia đội ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho cơ quan và các cơ quan khác trong toàn tỉnh khi được yêu cầu.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số:

- Thực hiện tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng

công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả theo kế hoạch của tỉnh.

- Tham gia triển khai các kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số mọi quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước. Thực hiện khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển có hiệu quả. Góp phần hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

- Thực hiện báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

- Thực hiện đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của cơ quan theo quy định.

- Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn để nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý quy hoạch, cơ sở hạ tầng, môi trường các khu công nghiệp.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số:

Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy thông minh, ứng dụng công nghệ trong sản xuất tại KCN, KKT. Tham mưu, đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp, các doanh nghiệp khởi nghiệp xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Khuyến khích chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp trên địa bàn các KCN, KKT nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số đầu tư vào các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh.

III. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước. Văn phòng hàng năm, xây dựng, đề xuất trong dự toán kinh phí, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ban Quản lý Khu kinh tế để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động phát triển Chính quyền số, hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, bảo đảm an toàn an ninh mạng, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Văn phòng Ban Quản lý chủ trì, phối hợp các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai Kế hoạch đạt chất lượng và tiến độ đề ra.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Như Trình

PHỤ LỤC 01:
PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

BẢNG 1: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

| Số TT | Nội dung mục tiêu | Đơn vị tính | Năm 2025 | Ghi chú |
|--------------|---|--------------------|-----------------|----------------|
| 1 | Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động | % | 80 | |
| 2 | Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 | % | 100 | |
| 3 | Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ | % | 100 | |
| 4 | Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương | % | 100 | |
| 5 | Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần | % | 80 | |
| 6 | Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính | % | 90 | |
| 7 | Hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận thụ lý được cập nhật, quản lý và tổ chức thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh | % | 100 | |
| 8 | Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm (về thời gian thực hiện hoặc thành phần hồ sơ) so với hiện nay | % | 20 | |
| 9 | Cơ quan nhà nước thuộc tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số | % | 100 | |

| Số TT | Nội dung mục tiêu | Đơn vị tính | Năm 2025 | Ghi chú |
|-------|--|-------------|--------------|---------|
| 10 | Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước | % | 50 | |
| 11 | Cổng dịch vụ công của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số | | Thường xuyên | |
| 12 | Sẵn sàng phục vụ dịch vụ công trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần | % | 100 | |
| 13 | Công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc | % | 100 | |
| 14 | Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất | % | 100 | |
| 15 | Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật | % | 100 | |
| 16 | Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>) | % | 90 | |
| 17 | Công tác báo cáo về kinh tế - xã hội được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, quốc gia | | Thường xuyên | |
| 18 | Hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định (<i>trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>) | % | 100 | |
| 19 | Cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản | % | 100 | |
| 20 | Cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số | % | 50 | |
| 21 | Kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh | % | 100 | |

BẢNG 2: MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

| Số TT | Nội dung mục tiêu | Đơn vị tính | Năm 2030 | Ghi chú |
|------------------|--|------------------------|---------------------|--------------------|
| 1 | Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>) | % | 100 | |

PHỤ LỤC 02:
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

| Số TT | Nhiệm vụ | Đơn vị thực hiện | Cơ quan triển khai | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|--------------|---|-------------------------|--|----------------------------|----------------|
| 1 | Tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy. | Đảng ủy | | Hàng năm | |
| 2 | Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số của Ban Quản lý Khu kinh tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | Văn phòng | | Năm 2022 | |
| 8 | Phối hợp kết nối hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC). | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | 2022-2025 | |
| 9 | Phối hợp triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số các quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh | 2022-2025 | |
| 10 | Phối hợp triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | 2022-2025 | |

| Số TT | Nhiệm vụ | Đơn vị thực hiện | Cơ quan triển khai | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-------|---|------------------|------------------------------|---------------------|---------|
| | tỉnh. | | | | |
| 11 | Phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số trên các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | 2023-2025 | |
| 12 | Phối hợp triển khai hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao tại các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế. | Văn phòng | Các doanh nghiệp BCVT-CNTT | 2022-2025 | |
| 13 | Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chương trình, kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên Trang Thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu kinh tế. | Văn phòng | | Thường xuyên | |
| 14 | Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social) phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, lan tỏa về Chuyển đổi số | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên | |
| 15 | Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường hoạt động của mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở duy trì, phát huy vai trò của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin (ATTT) tỉnh; tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ phụ trách về an toàn thông tin. Tham gia các đợt diễn tập ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức. | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên | |

| Số TT | Nhiệm vụ | Đơn vị thực hiện | Cơ quan triển khai | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-------|---|------------------|---|---------------------|---------|
| 16 | Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp phục vụ các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra. | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên | |
| 17 | Phối hợp triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo kế hoạch của tỉnh. | Văn phòng | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ | Hàng năm | |
| 18 | Cử công chức tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ. | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | 2022-2030 | |
| 19 | Phối hợp triển khai Kế hoạch chuyển đổi giao thức Internet thế hệ mới IPV4 sang IPV6; | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | 2022-2025 | |
| 20 | Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền thực hiện nghiêm các quy định về Luật An toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | 2022-2025 | |
| 21 | Duy trì mạng diện rộng của tỉnh (WAN) trên nền tảng Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng, Nhà nước phục vụ cho chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số và đô thị thông minh. | Văn phòng | Sở Thông tin và Truyền thông | 2022-2025 | |

| Số TT | Nhiệm vụ | Đơn vị thực hiện | Cơ quan triển khai | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|--------------|---|--|----------------------------|----------------------------|----------------|
| 22 | Phối hợp triển khai Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Gia Lai; kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. | Văn phòng | Sở Nội vụ | 2022-2023 | |
| 23 | Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy thông minh, ứng dụng công nghệ trong sản xuất tại tỉnh. | Phòng Đầu Tư | Các Sở, ngành có liên quan | 2022 - 2030 | |
| 24 | Ứng dụng công nghệ số trong quản lý quy hoạch, cơ sở hạ tầng, môi trường các khu công nghiệp. | Phòng Quy hoạch, Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành có liên quan | 2022 - 2030 | |